

**CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SAO NAM BẾN TRE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SAO NAM BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV KT CN SAO NAM BẾN TRE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301132322

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

308A1, Đoàn Hoàng Minh, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                             | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                             | 7310                                                         |
| 2.  | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                             | 7729                                                         |
| 3.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                        | 7730(Chính)                                                  |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                     | 4101                                                         |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                               | 4102                                                         |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                | 4311                                                         |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                     | 4312                                                         |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                 | 4321                                                         |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                 | 4322                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                        | 4329                                                         |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                        | 4330                                                         |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                    | 4649                                                         |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                   | 4651                                                         |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                    | 4652                                                         |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                       | 4659                                                         |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                               | 4663                                                         |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                     | 4669                                                         |
| 18. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                       | 0810                                                         |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                   | 5229                                                         |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                | 4620                                                         |
| 21. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TỪ CÔNG NHÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/03/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083080007393

Ngày cấp: 15/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 528B1, khu phố 3, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 528B1, khu phố 3, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TỪ CÔNG NHÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/03/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083080007393

Ngày cấp: 15/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 528B1, khu phố 3, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh  
Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 528B1, khu phố 3, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến  
Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre